TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HS-ST
Ngày: 05-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm

2. Ông Trần Văn Bé Hai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Linh là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngộ Không - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp và điểm cầu thành phần tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 – Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đ, Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 606/TB-TA ngày 22 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Tại điểm cầu trung tâm (Trụ sở Toà án) gồm có: Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa.

Tại điểm cầu thành phần (Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 – Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Đ) gồm có: Bị cáo Trần Văn Bé T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn N D và cán bộ cơ sở cai nghiện ma túy số 1.

Họ và tên: **Trần Văn Bé T,** sinh năm 1989 tại Đồng Tháp; Tên gọi khác: T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Trần Văn H, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm

1964; Vợ tên: Nguyễn Thị Hồng T2 (hiện không còn sống chung), Con: 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Tiền sự, tiền án: Không có; Nhân thân: Ngày 23/12/2016, bị Toà án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt Trần Văn Bé T 07 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Chấp hành hình phạt tù xong ngày 17/8/2018, chấp hành thi hành án dân sự xong ngày 04/5/2017; Tạm giữ; Tạm giam: Không có; Bị cáo tại ngoại.

Bị hại:

Phan Văn Ẩ, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trần Văn Nhựt D, sinh năm 1996; Địa chỉ: ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp

Người làm chứng:

Nguyễn Thành N1, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp

Ngày 31/12/2025 có mặt tại điểm cầu thành phần: bị cáo Trần Văn Bé T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn Nhựt D, còn lại vắng mặt.

Ngày 05/01/2026 có mặt tại điểm cầu thành phần: bị cáo Trần Văn Bé T, còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Văn Bé T bị Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 03/02/2025, bị cáo Trần Văn Bé T, sinh năm 1989 và em ruột là Trần Văn Nhựt D, sinh năm 1996 cùng bơi xuồng đi xiệt cá trên sông thuộc địa phận xã B (nay là xã M). Khi đến nhà ông Phan Văn Ẩ, sinh năm 1972 ngụ ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp thì Trần Văn Bé T phát hiện dưới bên sông nhà ông Ẩ có 01 xuồng composite màu xanh lá cây và máy nổ hiệu MITSUBISHI đậu, không có ai trông giữ nên T nảy sinh ý định trộm cắp máy và xuồng của ông Ẩ để sử dụng. Lúc này T nói với D tiếp tục đi xiệt, đưa T lên bờ (T không nói với D là T đi trộm cắp xuồng), sau đó T lên bờ đem theo 01 cây vít và cây kìm rồi lén lút cắt đứt sợi dây cáp cột xuồng bơi ra sông lớn, sau đó T nổ máy xuồng chạy đến nhà của Nguyễn Thành N1, sinh năm 1981, ngụ ấp B, xã M để gửi máy (trong lúc đi đến nhà N1 thì D thấy nên cũng chạy theo). Tại nhà của N1, T gửi lại một máy vừa trộm được của ông Ẩ cho N1 giữ rồi bơi xuồng về nhà của mình đậu dưới bên sông. Đối với ông Ẩ sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản đã trình báo đến Công an xã B (nay là Công an xã M) giải quyết theo quy định. Đến ngày 06/02/2025, Công an xã M phát hiện chiếc xuồng của ông Ẩ đang đậu dưới bên sông nhà của T nên tiến hành thu giữ theo quy định.

Qua làm việc, Trần Văn Bé T thừa nhận hành vi trộm cắp xuồng của ông Phan Văn Ẩ vào đêm ngày 03/02/2025, vật chứng thu giữ:

- Tại bến sông nhà của Trần Văn Bé T:

+ 01 Vỏ nhựa compossite màu xanh lá cây, kích thước 6,3m x 0,85m, trên mũi có dòng chữ ĐĐC mày vàng.

+ 01 Máy xăng TBC RUSH TR430E màu trắng đỏ số máy TR430EA2304167876.

+ 01 Bình ác quy màu trắng nhãn hiệu Đồng Nai 30 ampe.

+ 01 Vỏ nhựa composite màu xanh trắng kích thước 8,2m x 1m, trên mũi có dòng chữ KGC màu đỏ.

+ 01 Máy xăng honda màu trắng đỏ đen, không có nắp vặn bình xăng, số máy GC05-2602714.

+ 01 Máy xăng màu đỏ đen số máy GM231018857.

+ 01 Túi vải màu đen có dây đeo bên trong có kìm cộng lực màu xanh đen dài 62,5cm.

- Tại tại nhà của Nguyễn Thành N1;

+ 01 Máy hiệu MITSUBISHI đỏ đen 6HP, số máy GB1800180678.

+ 01 Vỏ composite màu xanh trắng kích thước 4,90m x 0,85m trên phần mũi có dòng chữ STC màu đỏ.

Căn cứ Biên bản và kết luận định giá tài sản số: 19/BB -HĐĐGTTHS ngày 28/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 vỏ nhựa compsite màu xanh lá cây, kích thước 6,3m x 0,85m trên phần mũi có dòng chữ ĐĐC màu vàng trị giá 6.366.999đồng; 01 máy xăng Mitsubishi màu đỏ đen 6HP số máy GB1800180678 trị giá: 4.166.666đồng. Tổng trị giá 10.533.000 đồng.

Qua điều tra, ông Phan Văn Ẩ đã nhận dạng xác định đúng tài sản của mình bị thu giữ nên ngày 06/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả lại cho ông Ẩ xong, ông Ẩ không có yêu cầu gì thêm.

Đối với máy xăng TBC RUSH TR430E màu trắng đỏ số máy TR430EA2304167876 qua điều tra liên quan đến vụ án khác nên đã được Cơ quan điều tra tách ra xử lý trong vụ án khác.

Đối với 01 vỏ nhựa composite màu xanh trắng kích thước 8,2m x 1m, trên mũi có dòng chữ KGC màu đỏ; 01 máy xăng honda màu trắng đỏ đen, không có nắp vặn bình xăng, số máy GC05-2602714, 01 máy xăng màu đỏ đen số máy GM231018857; 01 vỏ composite màu xanh trắng kích thước 4,90m x 0,85m trên phần mũi có dòng chữ STC màu đỏ qua điều tra thì Bé T xác nhận là tài sản của

mình, Cơ quan Điều tra đã có thông báo truy tìm bị hại (nếu có) nhưng không có ai đến nhận.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành thẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, cùng các chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSHCL ngày 06/11/2025 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Trần Văn Bé T về tội "Trộm cắp tài sản"; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 -Đồng Tháp giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo Trần Văn Bé T phạm tội " Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Bé T với mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ các tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu gì khác.

- Về xử lý vật chứng: đề nghị tuyên:

+ Trả lại cho bị cáo: 01 máy xăng honda màu trắng đỏ đen, không có nắp vặn bình xăng, số máy GC05-2602714; 01 vỏ composite màu xanh trắng kích thước 4,90m x 0,85m trên phần mũi có dòng chữ STC màu đỏ.

+ Trả lại cho Trần Văn Nhựt D: 01 bình ác quy màu trắng nhãn hiệu Đồng Nai 30 ampe; 01 vỏ nhựa composite màu xanh trắng kích thước 8,2m x 1m, trên mũi có dòng chữ KGC màu đỏ; 01 máy xăng màu đỏ đen số máy GM231018857.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 túi vải màu đen có dây đeo bên trong có kìm cộng lực màu xanh đen dài 62,5cm.

Đối với Trần Văn Nhựt D và Nguyễn Thành N1 không biết tài sản do Trần Văn Bé T trộm cắp mà có nên chưa có căn cứ xử lý hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận, đối đáp gì.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát Khu vực 9, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, mọi hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Văn Bé T thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng số 06/CT-VKSHCL ngày 06/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp là đúng với hành vi của bị cáo.

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 03/02/2025 tại ấp B, xã M, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu nên đã lén lúc lấy trộm 01 vỏ nhựa compsite màu xanh lá cây, kích thước 6,3m x 0,85m trên phần mũi có dòng chữ ĐĐC màu vàng; 01 máy xăng Mitsubishi màu đỏ đen 6HP số máy GB1800180678 của ông Phan Văn Ẩ. Giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 10.533.000 đồng

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn Bé T đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

..."

[3] Xét hành vi của bị cáo Trần Văn Bé T, khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Tại phiên tòa, bị cáo còn

khai rằng biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lòng tham mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên, chứng tỏ hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành. Về nhận thức bị cáo biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về hành vi phạm tội nhưng không lấy đó làm bài học để cải sửa bản thân, tôn trọng pháp luật mà vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật. Do vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã từng bị xét xử về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tôi tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này thì đã được xóa án tích thì được coi như chưa có án tích do đó bị cáo đủ điều kiện áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi lượng hình cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị hại Phan Văn Ẩ đã nhận lại tài sản bị mất và không còn yêu cầu bồi thường gì thêm bất cứ khoản nào phù hợp theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 (một) máy xăng màu trắng đỏ đen, không có nắp vặn bình xăng, số máy GC05-2602714 đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 (một) vỏ Composite màu xanh trắng kích thước (4,90 x 0,85) mét trên phần mũi có dòng chữ "STC" màu đỏ, đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của bị cáo cần xem xét trả lại cho bị cáo.

- Đối với: 01 (một) bình ắc quy, có dòng chữ dongnai màu đỏ, đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 (một) vỏ Composite màu xanh trắng, kích thước 8,2 x 01 mét, trên phần mũi có dòng chữ "KGC" màu đỏ, đã qua

sử dụng là tài sản cá nhân của Trần Văn Nhựt D và không có liên quan đến vụ án nên xem xét cần trả lại cho Nhựt D.

- Đối với: 01 (một) túi màu đen củ đã qua sử dụng, bên trong có kìm cộng lực màu xanh đen dài 62,5 cm, lưỡi dài 4 cm, rộng 7,5 cm, cán dài 58,5 cm, tay cầm được bọc nhựa màu đen dài 13,5 cm, đã qua sử dụng là phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Căn cứ quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn Bé T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Đồng Tháp về tội danh, điều luật truy tố và các vấn đề khác là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Văn Bé T** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Bé T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, không đặt ra xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) máy xăng màu trắng đỏ đen, không có nắp vặn bình xăng, số máy GC05-2602714 đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 (một) vỏ Composite màu xanh trắng kích thước (4,90 x 0,85) mét trên phần mũi có dòng chữ "STC" màu đỏ, đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong).

- Trả lại cho Trần Văn Nhựt D: 01 (một) bình ắc quy, có dòng chữ dongnai màu đỏ, đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong); 01 (một) vỏ Composite màu xanh trắng, kích thước 8,2 x 01 mét, trên phần mũi có dòng chữ "KGC" màu đỏ, đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) túi màu đen củ đã qua sử dụng, bên trong có kìm cộng lực màu xanh đen dài 62,5 cm, lưỡi dài 4 cm, rộng 7,5 cm, cán dài 58,5 cm, tay cầm được bọc nhựa màu đen dài 13,5 cm, đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong).

Hiện vật chứng đang do Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Đồng Tháp đang quản lý theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ với Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Đồng Tháp.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Trần Văn Bé T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 9;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Đồng Tháp;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa